



BÁO CÁO

Công tác bồi thường nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Công văn số 4206/BTP-BTNN ngày 25/10/2019 của Bộ Tư pháp về việc phối hợp xây dựng báo cáo Chính phủ về công tác bồi thường nhà nước năm 2019, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. Kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2019

1. Tình hình yêu cầu bồi thường, kết quả giải quyết bồi thường

1.1. Trong hoạt động quản lý hành chính

- Năm 2019, đối với hoạt động quản lý hành chính các sở, ngành và địa phương đã tiếp nhận 01 hồ sơ yêu cầu bồi thường của cá nhân do cán bộ, công chức của đơn vị, địa phương gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ; hồ sơ đang trong giai đoạn thỏa thuận bồi thường theo quy định.¹

- Hai cấp Tòa án nhân dân không nhận được đơn yêu cầu bồi thường và không có trường hợp nào giải quyết bồi thường oan, sai theo quy định.

1.2. Trong hoạt động thi hành án dân sự

Trong năm, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, các cơ quan Thi hành án dân sự đã thụ lý yêu cầu bồi thường 02 vụ, cụ thể:

- **Vụ thứ nhất:** Vụ bà Nguyễn Thị Hiền; địa chỉ ấp Càng Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Kết quả giải quyết: Theo Kết luận giải quyết tố cáo số 01/KL-CCTHADS, ngày 12/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tương ứng số tiền là 28.380.416 đồng được Tổng cục Thi hành án Dân sự - Bộ Tư pháp cấp kinh phí, đã chi trả bồi thường xong.

- **Vụ thứ hai** (chuyển sang kỳ sau): Vụ bà Nguyễn Thị Kim Y; địa chỉ số 227/3 đường Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương.

Kết quả giải quyết: Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-CTHADS, ngày 02/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, tương ứng số tiền 71.445.814 đồng đang chờ kết quả cấp kinh phí bồi thường từ Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp.

¹ Hồ sơ ông Nguyễn Nhật Nghiêm, địa chỉ số 771, đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



Qua thực hiện về bồi thường hiện nay địa phương chưa xử lý cán bộ, chấp hành viên thực hiện sai phạm phải bồi thường thiệt hại.

2. Kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước

2.1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước năm 2019

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 18/6/2019 về việc triển khai công tác bồi thường nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và ý thức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ; tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp trong việc tham mưu công tác bồi thường và mối quan hệ phối hợp trong giải quyết yêu cầu bồi thường nhằm bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân. Việc ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 18/6/2019 bảo đảm bám sát các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước năm 2019 của Bộ Tư pháp và đảm bảo được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, để quán triệt triển khai đồng bộ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018) trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 12/02/2018 về triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Thực hiện Công văn số 3083/BTP-BTNN ngày 15/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định biện pháp thực hiện công tác hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện theo thủ tục yêu cầu bồi thường, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1174/UBND-NCPC ngày 11/9/2019 tham gia góp ý và gửi Bộ Tư pháp đúng quy định.

Bên cạnh đó, tham gia góp ý dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại Công văn số 1124/STP-HC&BTTP ngày 11/5/2019 và dự thảo Thông tư quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại Công văn số 928/STP-HC&BTTP ngày 29/7/2019 của Sở Tư pháp, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

Các sở, ngành và địa phương thường xuyên quan tâm tuyên truyền, phổ biến Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân tại cơ quan, đơn vị và địa bàn mình quản lý.

2.2. Kết quả tình hình triển khai Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017

Thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của

Nhà nước; tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 12/02/2018 về triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, để quán triệt triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trên cơ sở Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh, các sở, ngành và UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch hoặc công văn triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong ngành, cơ quan, địa phương phù hợp tình hình tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan truyền thông thực hiện tuyên truyền, quán triệt các văn bản pháp luật có liên quan về lĩnh vực bồi thường nhà nước bằng nhiều biện pháp và hình thức thích hợp như: Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang mở chuyên mục Chính sách pháp luật, Báo Kiên Giang mở Trang tin pháp luật... Bên cạnh đó, các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã tổ chức nhiều đợt triển khai, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan về bồi thường nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

Mặt khác, các cơ quan chuyên môn cũng thực hiện công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc điểm của từng chủ thể tiếp thu, để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân hiểu đầy đủ hơn việc nhà nước không chỉ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các hành vi chủ động của cán bộ, công chức gây ra mà còn có trách nhiệm bồi thường đối với các hành vi thiệt hại do cán bộ, công chức không thực hiện công vụ mà theo quy định của pháp luật cán bộ, công chức phải thực hiện, từ đó, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị cán bộ, công chức có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại trong khi thi hành công vụ và góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức công vụ của cán bộ, công chức.

Bên cạnh đó, Cục Thi hành án dân sự tỉnh cử 22 đồng chí tham dự tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về bồi thường do Tổng Cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp tổ chức tại thành phố Cần Thơ.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền, triển khai Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan về lĩnh vực bồi thường nhà nước được các ngành, các cấp quan tâm và chỉ đạo thực hiện; Nhân dân được tiếp thu và hiểu rõ hơn trách nhiệm, quyền lợi trong tham gia thực hiện bồi thường nhà nước và góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ.

Bên cạnh đó, chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước; Thông tư số 11/2018/TT-BTP ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành trong lĩnh vực bồi thường nhà nước.

2.3. Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước

Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt việc phân công công chức làm đầu mối kiêm nhiệm việc tiếp nhận, thụ lý hồ sơ và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại trong trường hợp cán bộ, công chức của đơn vị gây thiệt hại khi thi hành công vụ.

2.4. Báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước

UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp kịp thời, đảm bảo đúng thời gian quy định.

2.5. Về việc phân công đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện công tác bồi thường nhà nước

Trong năm, UBND tỉnh có tiếp nhận 01 hồ sơ yêu cầu bồi thường. Qua xem xét, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Rạch Giá và các sở, ngành có liên quan tham mưu giải quyết hồ sơ. Ngày 27/8/2019, Văn phòng UBND tỉnh có văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh giao UBND thành phố Rạch Giá chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan xem xét giải quyết nội dung yêu cầu bồi thường nêu trên theo quy định.²

3. Đánh giá chung về kết quả công tác bồi thường năm 2019

3.1. Kết quả đạt được

Công tác bồi thường năm 2019 được các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, nội dung các quy định pháp luật về bồi thường nhà nước được triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân bằng nhiều hình thức đảm bảo cho việc tiếp thu và thực hiện đạt yêu cầu, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm công vụ được cải thiện, Nhân dân hiểu được quyền yêu cầu bồi thường khi bị thiệt hại do trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan gây thiệt hại khi thi hành công vụ.

Các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường được thực hiện kịp thời, đúng thời gian và trình tự, thủ tục quy định; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp ở địa phương trong việc giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường tốt; công tác triển khai, quán triệt các quy định pháp luật được bảo đảm.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường đa dạng, có tính chuyên sâu, phức tạp ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng như trách nhiệm của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ nhưng nghiệp vụ của cán bộ, công chức còn hạn chế nên đòi hỏi cần phải được tập huấn chuyên sâu theo từng lĩnh vực cụ thể về công tác bồi thường.

² Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Nhật Nghiêm, địa chỉ số 771, đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



Nhiều cơ quan do chưa thực sự hiểu đúng nội dung các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên đã dẫn tới tình trạng né tránh việc thực hiện trách nhiệm bồi thường.

Cán bộ, công chức được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị đều là kiêm nhiệm nên cũng gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ, công tác tham mưu còn những hạn chế nhất định.

Trong một số vụ việc, mặc dù cơ quan, tổ chức đã thiện chí, chủ động giải quyết nhưng lại gặp phải sự thiếu hợp tác của người bị thiệt hại, dẫn đến việc giải quyết bồi thường bị chậm trễ. Có nhiều vụ việc, người bị thiệt hại do thực hiện không đúng quy định của pháp luật về yêu cầu bồi thường thiệt hại nên cũng gây ra khó khăn cho cơ quan giải quyết bồi thường.

Việc xác lập hồ sơ bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả và thực hiện xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại từng lúc còn chưa kịp thời.

Việc lập dự toán ngân sách hàng năm và bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện công tác bồi thường nhà nước ở địa phương chưa được hướng dẫn kịp thời, nên còn lúng túng trong công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán.

II. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2020

1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2020.

2. Chỉ đạo các sở, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn công tác giải quyết bồi thường; xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc chưa có sự thống nhất về việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện theo quy định.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho công chức thực hiện công tác bồi thường của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

5. Kịp thời cung cấp thông tin hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

6. Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bồi thường nhà nước theo quy định pháp luật.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề nghị Cục Bồi thường nhà nước - Bộ Tư pháp xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

2. Hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện công tác bồi thường nhà nước, cũng như trách nhiệm hoàn trả.

Trên đây là kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, báo cáo Bộ Tư pháp./. #2

Nơi nhận:

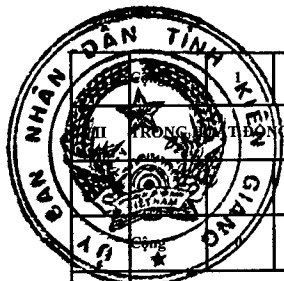
- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam, Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, ntttrng, "HT".

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng





	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0		
II	TRONG HOẠT ĐỘNG TÓ TỤNG HÌNH SỰ																											
Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
III	TRONG HOẠT ĐỘNG TÓ TỤNG DÂN SỰ																											
Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
IV	TRONG HOẠT ĐỘNG TÓ TỤNG HÀNH CHÍNH																											
Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
V	TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ																											
Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
VI	TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ																											
Cộng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	99 826 230	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	28 380 416	0



Hội đồng tư pháp thống kê số liệu về tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017

1. Thủ lý vụ việc

Cột số 2: Tổng số vụ việc đã được các cơ quan giải quyết bồi thường thống kê, bao gồm số vụ việc thụ lý mới và số vụ việc thụ lý từ kỳ trước chuyển sang (đang trong quá trình giải quyết).

Cột số 2 = Cột số 3+4+5+6+7+8+9+10

1.1. Số vụ việc thụ lý mới

Cột số 3: Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại bồi thường theo quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.

Cột số 4,5,6: Thụ lý tại Tòa án giải quyết vụ án dân sự về bồi thường nhà nước, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường cụ thể:

Cột số 4: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Luật TNBTCNN năm 2017: Sau khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường mà chưa yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết bồi thường;

Cột số 5: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN năm 2017: Người yêu cầu bồi thường rút yêu cầu bồi thường trước thời điểm cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tiến hành xác minh thiệt hại và tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường (điểm b khoản 1 Điều 52) và trường hợp người yêu cầu bồi thường đã yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ giải quyết bồi thường nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết bồi thường mà không đồng ý với quyết định đó hoặc kể từ ngày có biên bản kết quả thương lượng thành mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại không ra quyết định giải quyết bồi thường hoặc kể từ ngày có biên bản kết quả thương lượng không thành (khoản 2 Điều 52).

Cột số 6: Theo quy định tại Điều 55 Luật TNBTCNN năm 2017: Tòa án giải quyết vụ án hình sự, Tòa án giải quyết vụ án hành chính có nội dung yêu cầu bồi thường, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường kết hợp yêu cầu bồi thường trong quá trình khởi kiện vụ án hình sự, vụ án hành chính.

1.2. Số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang

Cột số 7,8,9,10: Những vụ việc đã được thụ lý từ kỳ báo cáo trước mà chưa có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ hoặc tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng hoặc đã có văn bản giải quyết bồi thường nhưng chưa chi trả tiền bồi thường.

2. Tình hình giải quyết vụ việc

2.1. Số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật

Cột số 11 = Cột số 12+13+14+15.

Cột số 12: Số vụ việc thụ lý tại cột số 3, 7 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật;

Cột số 13 và 14: Số vụ việc thụ lý tại cột số 4, 5, 8, 9 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật;



Số vụ việc thụ lý tại cột số 6, 10 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

Số vụ việc đang giải quyết bồi thường

Trong kê số tiền bồi thường theo văn bản giải quyết bồi thường (quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc quyết định, bản án có hiệu lực của tòa án).

2.2. Số vụ việc đang giải quyết bồi thường

Cột số 17 = Cột số 18+19+20+21.

Cột số 18: Số vụ việc thụ lý tại cột số 3,7 đang giải quyết bồi thường (bao gồm cả những vụ việc cơ quan quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoãn, tạm đình giải quyết;

Cột số 19 và 20: Số vụ việc thụ lý tại cột số 4,5, 8, 9 đang giải quyết bồi thường.

Cột số 21: Số vụ việc thụ lý tại cột số 6, 10 đang giải quyết bồi thường.

3. Số vụ việc đình chỉ giải quyết bồi thường

Cột số 22: Số vụ việc đã bị đình chỉ tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

Cột số 23: Số vụ việc đã bị đình chỉ theo thủ tục tố tụng tại Tòa án.

4. Chi trả tiền bồi thường

Cột số 24: Số vụ việc đã được chi trả cho người bị thiệt hại theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ hoặc bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án

Cột số 25: Số tiền đã chi trả theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp người thi hành công vụ.

Cột số 26: Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Phụ lục số 03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM HOÀN TRẢ

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/10/2019)

(Đính kèm Báo cáo số 405/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh về công tác bồi thường nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang)

STT	Số tiền đã chi trả xong cho người yêu cầu bồi thường (nghìn đồng)	Xem xét trách nhiệm hoàn trả						Giảm mức hoàn trả		Số vụ việc hoàn hoàn trả (vụ việc)	Số tiền đã hoàn trả			Số tiền còn phải hoàn trả (nghìn đồng)
		Tổng số vụ việc xem xét	Số vụ việc đã xem xét		Số vụ việc đang xem xét (vụ việc)	Số vụ việc không xem xét (vụ việc)		Số vụ việc (vụ việc)	Số tiền (nghìn đồng)		Tổng số (nghìn đồng)	Số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo (nghìn đồng)	Số tiền đã hoàn trả kỳ trước chuyên sang (nghìn đồng)	
			Số vụ việc có Quyết định có hiệu lực và đã thực hiện hoàn trả (vụ việc)	Số tiền phải hoàn trả (nghìn đồng)		Số vụ việc đang xem xét (vụ việc)	Người thi hành công vụ không có lỗi							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH													
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ													
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG DÂN SỰ													
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH													



Hướng dẫn thống kê số liệu tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả

Cột số 1: Tổng số tiền đã chi trả cho người yêu cầu bồi thường

Cột số 2: Tổng số vụ việc xem xét trách nhiệm hoàn trả. $Cột số 3 = Cột số 4 + 6$

Cột số 4: Ghi số vụ việc có quyết định hoàn trả và đã thực hiện hoàn trả

Cột số 5: Ghi số tiền phải hoàn trả

Cột số 6: Ghi số vụ việc đang xem xét trách nhiệm hoàn trả

Cột số 7: Ghi số vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ gây thiệt hại không có lỗi

Cột số 8: Ghi số vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ gây thiệt hại chết trước khi ra quyết định hoàn trả

Cột số 9: Ghi số vụ việc được giảm mức hoàn trả

Cột số 10: Ghi số tiền hoàn trả được giảm

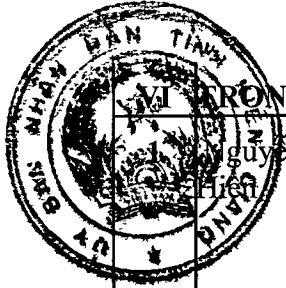
Cột số 11: Ghi số vụ việc được hoãn hoàn trả

Cột số 12: Ghi tổng số tiền đã hoàn trả. $Cột số 12 = Cột số 13 + 14$

Cột số 13: Ghi số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo

Cột số 14: Ghi số tiền đã hoàn trả từ kỳ báo cáo trước chuyển sang

Cột số 15: Ghi số tiền còn phải hoàn trả



TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

	Nguyễn Thị Hiền	ấp Càng Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang	Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009	Đã chi trả số tiền 28.380.416 đồng	Theo Kết luận giải quyết tố cáo số 01/KL-CCTHADS ngày 12/9/2016 của Chi cục THADS huyện Hòn Đất		
2	Nguyễn Thị Kim Y	227/3 đường Yersin, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang	Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009	Đang đề nghị cấp kinh phí	Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-CCTHADS ngày 02/6/2017 của Cục THADS tỉnh Kiên Giang		
	Tổng cộng	03 vụ việc						



Hướng dẫn điền danh mục vụ việc giải quyết bồi thường

Cột số 1: Nếu người yêu cầu bồi thường là cá nhân người bị thiệt hại thì ghi họ tên của người bị thiệt hại hoặc người đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại; đối với trường hợp người bị thiệt hại chết thì ghi họ tên người thừa kế của người bị thiệt hại; đối với trường hợp người yêu cầu bồi thường là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì ghi họ tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của cá nhân đó; nếu người yêu cầu bồi thường là tổ chức thì ghi tên tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

Cột số 2: Nếu người yêu cầu bồi thường là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú tại thời điểm nộp văn bản yêu cầu bồi thường; nếu người yêu cầu bồi thường là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó tại thời điểm nộp văn bản yêu cầu bồi thường.

Cột số 3: Tên cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hay Tòa án giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hình sự hoặc tố tụng hành chính

Cột số 4: Vụ việc được giải quyết theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 hoặc Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009 hoặc Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra hoặc Nghị định số 47 - CP ngày 03/05/1997 về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Cột số 5: Thông tin về tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường (các nội dung cần nêu gồm: ngày tháng năm có đơn yêu cầu bồi thường, thụ lý, tạm ứng kinh phí, xác minh, thương lượng, giải quyết bồi thường, v.v.).

Cột số 6: Thông tin vụ việc đã được chi trả tiền bồi thường theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ hoặc đã được chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc vụ việc chưa được chi trả (nêu rõ lý do chưa chi trả).

Cột số 7: Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường, chi trả tiền bồi thường.